

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-02-2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Thành

Ông Nguyễn Hồ Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.**

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2021/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 10, xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: **Elsen Str26/12435 Berlin**, Cộng hòa liên bang Đức; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Xóm 10, xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phan Thị C, sinh năm 1967;

Địa chỉ cư trú: Xóm T (nay là xóm Á), xã T, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức), nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 30 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây, do chị đang sinh sống và làm việc ở Đức nên vợ chồng không có nhiều thời gian cho nhau, không còn hỏi han, quan tâm, chăm sóc, cuộc sống vợ chồng không còn thấu hiểu, chia sẻ được với nhau. Hiện tại, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hai bên không còn tiếng nói chung, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, cuộc sống chung không thể duy trì được nữa nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoàng L, sinh ngày 18/9/2013 và Nguyễn Văn Tuấn H, sinh ngày 16/01/2017. Do chị đang sinh sống và làm việc tại Đức, nên các con đang được mẹ đẻ của chị là bà Phan Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị đi Đức đến nay. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao các con cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị chưa có điều kiện về Việt Nam để trực tiếp chăm sóc các con nên chị có nhờ bà Phan Thị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các con đến khi chị về Việt Nam. Chị cam đoan sẽ cùng bà Cường quan tâm, chăm sóc để nuôi dưỡng các con trong điều kiện tốt nhất.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị N đang cư trú và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức nên không có điều kiện về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho chị Trần Thị Hồng Yến, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Số 02, đường Phạm Đình Toái, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

*Theo bản tự khai, đơn trình bày, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 30 tháng 7 năm 2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2019, chị N đi xuất khẩu lao động ở Đức, do điều kiện địa lý xa cách vợ chồng không

thể gặp nhau thường xuyên nên hay xảy ra mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, chị N làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoàng L, sinh ngày 18/9/2013 và Nguyễn Văn Tuấn H, sinh ngày 16/01/2017. Do anh bận công việc, thường xuyên phải đi làm xa, không có thời gian chăm sóc các con nên các con đang được mẹ ruột của chị N là bà Phan Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2018 đến nay. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh và chị N thỏa thuận giao các con Nguyễn Thị Hoàng L và Nguyễn Văn Tuấn H cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh đang rất khó khăn. Do chị Nhung đang ở nước ngoài nên có nhờ bà Phan Thị C là mẹ ruột của chị Nhung tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến khi chị N về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L đang ở Việt Nam nhưng do bận công việc thường xuyên phải đi làm xa, không thể tham gia phiên tòa được nên anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

*Theo bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C trình bày:*

Chị Nguyễn Thị N là con đẻ của bà và ông Nguyễn Đăng L, ông Lộc đã mất năm 2012. Bà biết chị Nhung đã nộp đơn ly hôn với anh Nguyễn Văn L tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống, chị N và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoàng L và Nguyễn Văn Tuấn H. Do chị N đi nước ngoài, anh L bận công việc nên bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Ly và Hưng từ năm 2018 đến nay. Nay ly hôn, chị N và anh L thỏa thuận giao cháu Ly và cháu Hưng cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị N đang đi làm việc tại Đức nên có nhờ bà tiếp tục chăm sóc hai cháu Ly và Hưng cho đến khi chị N về Việt Nam. Bà cam đoan sẽ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu chu đáo trong thời gian chị N không ở Việt Nam. Khi chị N về nước, bà sẽ giao lại hai cháu cho chị N. Bà có thời gian chăm sóc cháu Ly và cháu Hưng từ năm 2018 đến nay, nhưng bà không yêu cầu chị N và anh L phải trả tiền công sức chăm nom, nuôi dưỡng các cháu nên bà đề nghị Tòa án không xem xét. Do tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp, đi lại khó khăn và cũng do bận công việc nên bà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N hiện đang cư trú tại nước Cộng hòa liên bang Đức nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam; trước xuất cảnh, chị N có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì chị Nguyễn Thị N không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và đương sự đề nghị không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị N đang cư trú tại nước Cộng hòa liên bang Đức nhưng đã ủy quyền cho chị Trần Thị Hồng Yến, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Số 02, đường Phạm Đình Toái, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, tài liệu (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L và bà Phan Thị C có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp bản tự khai và nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhưng do bận công việc và dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp, hạn chế tiếp xúc, đi lại nên anh L và bà Cường đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, do chị N đi làm việc ở nước Cộng hòa liên bang Đức nên vợ chồng không có nhiều thời gian cho nhau; không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; cuộc sống vợ

chồng không hòa hợp, hai bên không còn tiếng nói chung. Hiện tại, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nhung nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung. Chị N và anh L thỏa thuận: Giao cho chị Nguyễn Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Nguyễn Thị Hoàng L, sinh ngày 18/9/2013 và Nguyễn Văn Tuấn H, sinh ngày 16/01/2017 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Do anh L chưa có điều kiện kinh tế nên chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị Nhung đang ở nước ngoài nên bà Phan Thị C (mẹ đẻ của chị Nhung) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hoàng L và Nguyễn Văn Tuấn H cho đến khi chị Nhung về Việt Nam với các cháu và không yêu cầu về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 và khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung;

Giao cho chị Nguyễn Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Nguyễn Thị Hoàng L, sinh ngày 18/9/2013 và Nguyễn Văn Tuấn H, sinh ngày 16/01/2017 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị Nhung đang ở nước ngoài nên bà Phan Thị C (mẹ đẻ của chị Nhung) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hoàng L và Nguyễn Văn Tuấn H chu đáo cho đến khi chị Nhung về Việt Nam với các cháu.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị Nguyễn Thị N và bà Phan Thị C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011611 ngày 21/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Văn L và bà Phan Thị C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, thành phố Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Quỳnh**